ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HẢI PHÚ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/TB-UBND	*Hải Phú, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

THÔNG BÁO

"V/v công khai quyết toán ngân sách năm 2022"

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số: 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/01/2022 của HĐND xã Hải Phú V/v phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND xã Hải Phú V/v phê duyệt quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND xã Hải Phú V/v công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022.

UBND xã Hải Phú tổ chức niêm yết công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022.

1. **Địa điểm công khai**: Tại trụ sở UBND xã
2. **Thời gian công khai**: 30 ngày kể từ ngày 04/8/2023-03/9/2023.
3. **Hồ sơ niêm yết công khai gồm**:

- Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
- Bảng cân đối quyết toán ngân sách năm 2022
- Tổng hợp quyết toán thu ngân sách năm 2022
- Tổng hợp quyết toán chi ngân sách năm 2022
- Báo cáo tình hình thực hiện nguồn vốn XDCB năm 2022

Trong thời gian niêm yết công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 trên. Đề nghị các ban ngành đoàn thể cấp xã theo dõi, kiểm tra lại số liệu quyết toán của ngành mình nếu có ý kiến phản hồi lại đúng trong thời gian quy định trên thì UBND xã tham mưu cho HĐND xã điều chỉnh lại quyết toán, ý kiến phản hồi vượt quá thời gian niêm yết thì UBND xã không chịu trách nhiệm./.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Nhạc

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HẢI PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/QĐ-UBND	*Hải Phú, ngày 04 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 20NQ-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của HĐND xã Hải Phú về việc phê chẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Hải Phú về việc phê chuẩn Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Hải Phú (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Điều 3: Văn phòng Uỷ ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận: - Uỷ ban nhân dân huyện; - Phòng TC-KH huyện; - Đảng ủy xã,TT HĐND xã; - Cơ quan của các đoàn thể ở xã; - Lưu Văn phòng UBND, Ban tài chính.	**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Nhạc**

Tỉnh: Quảng Trị
Huyện: Hải Lăng
Xã: Hải Phú

Biểu số 116/CKTC-NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn))

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	**13.577.714.682**	**Tổng số chi**	**13.577.714.682**
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	447.315.714	I. Chi đầu tư phát triển	3.911.904.200
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	711.615.951	II. Chi thường xuyên	6.684.446.910
III. Thu bổ sung	9.541.664.600	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.975.698.572
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.415.660.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	5.665.000
- Bổ sung có mục tiêu	6.126.004.600		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	2.877.118.417		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Thương

TM. UBND xã
Chủ tịch UBND xã
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Nhạc

Tỉnh: Quảng Trị
Huyện: Hải Lăng
Xã: Hải Phú

Biểu số117/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu		**3.871.460.000**	**14.021.087.726**	**13.577.714.682**		**350,71**
I. Các khoản thu 100%		**120.000.000**	**447.315.714**	**447.315.714**		**372,76**
1. Phí, lệ phí		30.000.000	43.026.000	43.026.000		143,42
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		55.000.000	223.681.964	223.681.964		406,69
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			180.607.750	180.607.750		
8. Thu khác		35.000.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		**325.800.000**	**1.154.988.995**	**711.615.951**		**218,42**
1. Các khoản thu phân chia		102.400.000	247.683.652	170.505.535		166,51
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		3.000.000	117.450	117.450		3,92
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		15.400.000	28.600.000	20.230.000		131,36
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất		84.000.000	218.966.202	150.158.085		178,76
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		223.400.000	907.305.343	541.110.416		242,22
2.1. Thu tiền sử dụng đất						
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng		125.000.000	144.192.816	100.267.696		80,21
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân		97.000.000	763.112.527	440.842.720		454,48
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt		1.400.000				
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			**2.877.118.417**	**2.877.118.417**		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		**3.425.660.000**	**9.541.664.600**	**9.541.664.600**		**278,54**
1. Bổ sung cân đối ngân sách		3.415.660.000	3.415.660.000	3.415.660.000		100
2. Bổ sung có mục tiêu		10.000.000	6.126.004.600	6.126.004.600		61260,05

Tỉnh: Quảng Trị
Huyện: Hải Lăng
Xã: Hải Phú

Ngày 04 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Thương

TM. UBND xã
Chủ tịch UBND xã
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Nhạc

Tỉnh: Quảng Trị
Huyện: Hải Lăng
Xã: Hải Phú

Biểu số 118/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	**3.871.460.000**		**3.871.460.000**	**13.577.714.682**	**3.911.904.200**	**9.665.810.482**	**350,71**		**249,67**
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	366.600.000		366.600.000	374.260.496		374.260.496	102,09		102,09
1.1. Chi dân quân tự vệ	290.200.000		290.200.000	297.658.929		297.658.929	102,57		102,57
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	76.400.000		76.400.000	76.601.567		76.601.567	100,26		100,26
2. Chi giáo dục	45.000.000		45.000.000	619.031.000	584.124.000	34.907.000	1375,62		77,57
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	24.600.000		24.600.000	1.132.934.000	1.117.228.000	15.706.000	4605,42		63,85
6. Chi phát thanh, truyền thanh	9.000.000		9.000.000	9.000.000		9.000.000	100		100
7. Chi thể dục, thể thao	12.400.000		12.400.000	145.827.968		145.827.968	1176,03		1176,03
8. Chi bảo vệ môi trường	20.000.000		20.000.000	29.994.000		29.994.000	149,97		149,97
9. Chi các hoạt động kinh tế	33.000.000		33.000.000	2.873.228.098	1.123.663.000	1.749.565.098	8706,75		5301,71
9.1. Giao thông				199.375.000	199.375.000				
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				182.988.000	182.988.000				
9.3. Thị chính				741.300.000	741.300.000				
9.4. Thương mại, du lịch				219.877.000		219.877.000			
9.5. Các hoạt động kinh tế khác	33.000.000		33.000.000	1.529.688.098		1.529.688.098	4635,42		4635,42
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.196.160.000		3.196.160.000	5.161.555.248	1.086.889.200	4.074.666.048	161,49		127,49
Trong đó: Quỹ lương	2.404.860.000		2.404.860.000	2.483.364.435		2.483.364.435	103,26		103,26
10.1. Quản lý Nhà nước	442.700.000		442.700.000	2.350.081.116	1.086.889.200	1.263.191.916	530,85		285,34
Ủy ban nhân dân	218.200.000		218.200.000	2.125.147.256	1.086.889.200	1.038.258.056	973,94		475,83
Hội đồng nhân dân	224.500.000		224.500.000	224.933.860		224.933.860	100,19		100,19

Tỉnh: Quảng Trị
Huyện: Hải Lăng
Xã: Hải Phú

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	152.100.000		152.100.000	168.220.677		168.220.677	110,6		110,6
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	46.500.000		46.500.000	40.323.500		40.323.500	86,72		86,72
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	40.000.000		40.000.000	40.480.520		40.480.520	101,2		101,2
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	15.000.000		15.000.000	15.080.000		15.080.000	100,53		100,53
10.6. Hội Cựu chiến binh	40.000.000		40.000.000	40.745.000		40.745.000	101,86		101,86
10.7. Hội Nông dân	15.000.000		15.000.000	15.100.000		15.100.000	100,67		100,67
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	40.000.000		40.000.000	8.160.000		8.160.000	20,4		20,4
11. Chi cho công tác xã hội	89.700.000		89.700.000	250.520.300		250.520.300	279,29		279,29
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội									
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	89.700.000		89.700.000	250.520.300		250.520.300	279,29		279,29
11.5. Khác									
13. Dự phòng	75.000.000		75.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				2.975.698.572		2.975.698.572			
Nộp trả ngân sách cấp trên				5.665.000		5.665.000			

Ngày .04 tháng .8 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoài Thương

TM. UBND xã
Chủ tịch UBND xã
(ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Nhạc

UBND XÃ HẢI PHÚ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN XDCB NĂM 2022

STT	Nội dung	Mã công trình	Năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm	Thực hiện trong năm	Vốn đã giải ngân	Vốn chưa giải ngân	Ghi chú
I	**Năm 2021 chuyển sang năm 2022**		**379.362.000**	**31.877.000**	**411.239.000**	**405.575.000**	**5.664.000**	
1	Nhà văn hoá khu vực đối 6 thôn Long Hưng	7921067	23.212.000		23.212.000	23.212.000	-	
2	Nâng cấp mỡ rộng đường vào trường TH-THCS Hải Phú (khu vực 3 thôn Long Hưng)	7921066	163.923.000	31.877.000	195.800.000	195.800.000	-	
3	Bể tiêu năng ngõ Sơn thôn Long Hưng xã Hải phú		188.652.000		188.652.000	182.988.000	5.664.000	Thừa do giảm thuế: 5.664.000
4	Biển báo các tuyến đường do thôn quản lý trên địa bàn xã Hải phú	7916155	3.575.000		3.575.000	3.575.000	-	
II	**Vốn bố trí năm 2022**			**4.050.858.000**	**4.050.858.000**	**3.506.329.200**	**544.528.800**	
	Đợt 01			**1.763.414.000**	**1.763.414.000**	**1.731.217.200**	**32.196.800**	
1	Đường kiểu mẫu (đường MAG đoạn từ giáp QL1A đến đường Phú -Lệ A) Điện chiếu sáng, trồng cây bóng mát	7941461		494.328.000	494.328.000	494.328.000		
2	Trồng cây bóng mát trục đường chính thôn Phú Hưng	7940819		150.000.000	150.000.000	150.000.000		
3	San mặt bằng, cắm mốc khu nghĩa trang nhân dân đồi Dốc Lực, thôn Phú Hưng	7940821		119.086.000	119.086.000	117.139.200	1.946.800	Thừa do giảm thuế: 1.946.800
4	Cơ sở hạ tầng khu vực Cồn Thành, xã Hải Phú; Hạng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và cắm mốc phân lô	7945320		1.000.000.000	1.000.000.000	969.750.000	30.250.000	
	Đợt 2		-	**690.960.000**	**690.960.000**	**681.096.000**	**9.864.000**	

1	Trồng cây bóng mát trục đường chính thôn Phú (đoạn từ trường TH&THCS đến giáp đường Phú - Lệ A)	7949791		96.972.000	96.972.000	96.972.000		
2	Trường TH&THCS xã Hải Phú (Cơ sở 3), Hạng Mục: Nhà vệ sinh hoạc sinh và giáo viên và một số hạng mục phụ trợ	7945321		593.988.000	593.988.000	584.124.000	9.864.000	Thừa do giảm thuế: 9.864.000
	Đợt 3			**1.596.484.000**	**1.596.484.000**	**1.094.016.000**	**502.468.000**	
1	Nhà văn hoá đội 4 thôn Long Hưng	7960114		1.200.000.000	1.200.000.000	706.012.000	493.988.000	
2	Nhà văn hoá khu vực 6 Long Hưng; HM: Sân, tường rào và các hạng mục phụ trợ (giai đoạn 2)	7961196		396.484.000	396.484.000	388.004.000	8.480.000	Thừa do giảm thuế 8.480.000
Tổng cộng			**379.362.000**	**4.082.735.000**	**4.462.097.000**	**3.911.904.200**	**550.192.800**	

Hải Phú, ngày 04 tháng 8 năm 2023

KTNS

Nguyễn Thị Hoài Thương

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN

Chủ tịch

Nguyễn Nhạc